

Số: 34 /NQ-HĐND

TP.Sóc Trăng, ngày 25 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương, thành phố Sóc Trăng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
KHOÁ XII, KỲ HỌP THỨ 17 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 119/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về điều chỉnh hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương, tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương, thành phố Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 14/11/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương, thành phố Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương, thành phố Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 12/6/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng về dừng chủ trương đầu tư Dự án Cải tạo, nâng cấp mở rộng 2 bên bờ sông Maspero, phường 1, phường 8, thành phố Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 16/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng về bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương, thành phố Sóc Trăng;

Xét Tờ trình số 140/TTr-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương, thành phố Sóc Trăng; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương, thành phố Sóc Trăng là tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương, thành phố Sóc Trăng sau điều chỉnh, bổ sung là 943.738.900.000 đồng với 106 dự án, gồm:

- Vốn phân cấp ngân sách thành phố: 627.137.000.000 đồng với 80 dự án.
- Vốn kết dư ngân sách thành phố: 64.085.900.000 đồng với 05 dự án.
- Vốn tinh hỗ trợ có mục tiêu là 252.516.000.000 đồng với 21 dự án, trong đó:

- + Từ nguồn vốn xổ số kiến thiết: 195.440.000.000 đồng với 17 dự án.
- + Từ nguồn cân đối ngân sách địa phương và thu tiền sử dụng đất: 14.610.000.000 đồng với 01 dự án.
- + Từ nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2020: 14.570.000.000 đồng với 01 dự án.
- + Từ nguồn tinh hỗ trợ kinh phí cho ngân sách thành phố từ nguồn thu xử lý tài sản nhà, đất công: 27.206.000.000 đồng với 01 dự án.

+ Từ nguồn kinh phí tiết kiệm chi năm 2020 chưa sử dụng chuyển sang năm 2021: 690.000.000 đồng với 01 dự án.

(Chi tiết theo Phụ lục I, II, III, IV, V, VI, VII đính kèm)

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng khoá XII, kỳ họp thứ 17 (chuyên đề) thông qua ngày 25 tháng 10 năm 2024.

Nơi nhận:

- TT.HĐND tỉnh;
- TT.UBND tỉnh;
- Các Sở: Sở Tư pháp; KH và ĐT; Tài chính;
- Đại biểu HĐND tỉnh (đơn vị TPST);
- TT.TU; TT.HĐND, UBND và UBMTTQ TP;
- Đại biểu HĐND TP;
- Các phòng, ban, ngành TP;

(Đảng, chính quyền, đoàn thể)

- TT.HĐND và UBND các phường; Ủy ban TPST TP;

- Lưu: VT. *Ru*

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Kiều Linh



Phụ lục

**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
TỪ NGUỒN VỐN THUỘC NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Nguồn vốn	Tổng số Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được duyệt	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Tổng số Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung
			Tăng (+)	Giảm (-)	
	Tổng số	977.418,900	61.441,456	-95.121,456	943.738,900
1	Nguồn vốn phân cấp ngân sách thành phố	650.537,000	61.441,456	-84.841,456	627.137,000
	Cân đối	183.137,000	16.977,000	-16.977,000	183.137,000
	Sử dụng đất	467.400,000	44.464,456	-67.864,456	444.000,000
2	Nguồn kết dư ngân sách thành phố	74.285,900	0,000	-10.200,000	64.085,900
3	Nguồn vốn tinh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách thành phố	252.596,000	0,000	-80,000	252.516,000
3.1	Từ nguồn kinh phí tiết kiệm chi năm 2020 chưa sử dụng chuyển sang năm 2021	690,000	0,000	0,000	690,000
3.2	Từ nguồn Xổ số kiến thiết	195.520,000	0,000	-80,000	195.440,000
3.3	Từ nguồn cân đối ngân sách địa phương và thu tiền sử dụng đất	14.610,000	0,000	0,000	14.610,000
3.4	Nguồn tinh hỗ trợ kinh phí cho ngân sách thành phố từ nguồn thu xử lý tài sản nhà, đất công	27.206,000	0,000	0,000	27.206,000
3.5	Tăng thu ngân sách tỉnh năm 2020	14.570,000	0,000	0,000	14.570,000

Phụ lục I

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ BỔ SUNG HẠN VỐN PHÂN CẤP NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Cập nhật theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư		Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó: NSDP	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tăng (+)	Giảm (-)		
TỔNG SỐ															
A	NGUỒN VỐN PHÂN CẤP NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ					568.641,000	568.641,000	533.650,429	-	-	650.537,000	61.441,456	-84.841,456	627.137,000	
I	Chuẩn bị đầu tư					185.547,000	185.547,000	179.433,898	-	-	183.137,000	16.977,000	-16.977,000	183.137,000	
II	Thực hiện dự án					185.547,000	185.547,000	179.433,898	-	-	172.938,073	16.177,000	-16.977,000	172.138,073	
I	Lĩnh vực Giao dịch đào tạo và giáo dục nghề nghiệp													6.825,756	
1	Xây dựng Trường Tiểu học Lý Đạo Thành thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Cải tạo khối trung tâm văn hóa thể thao phường 5 thành khối hành chính quản trị và phòng chức năng	Nghị quyết số 122/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	14.500,000	14.500,000	14.497,512	-	-	13.952,129	-	-	13.952,129	
	Lĩnh vực Giao thông					116.675,000	116.675,000	113.493,015	-	-	106.968,883	-	-906,000	106.062,883	
1	Cải tạo mặt đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ UBND phường 5 đến cây xăng Nam Sông Hậu), phường 5, thành phố Sóc Trăng	PS	2021-2025	Tổng chiều dài 1.800 m, bề rộng mặt đường 12 m, kết cấu mặt đường thảm bê tông nhựa dày 7 cm, sơn tìm đường và nâng hồ ga	Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	14.300,000	14.300,000	13.248,772	Quyết định số 1482/QĐ-UBND ngày 30/10/2020		12.089,012			12.089,012	
2	Cải tạo mặt đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ cầu C247 đến đường Nguyễn Chí Thanh), phường 6, phường 8, thành phố Sóc Trăng	P6, P8	2021-2025	Tổng chiều dài 340m, bề rộng mặt đường 12 m, kết cấu mặt đường thảm bê tông nhựa dày 7cm, sơn tìm đường và nâng hồ ga	Nghị quyết số 124/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	3.200,000	3.200,000	2.857,105	Quyết định số 1481/QĐ-UBND ngày 30/10/2020		2.484,728			2.484,728	
3	Cải tạo, nâng cấp đường Trần Hưng Đạo đoạn còn lại thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Chiều dài tuyến dài khoảng: 755m, Lốp bê tông nhựa C12.5, dày 7cm	Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	7.600,000	7.600,000	7.328,784	Quyết định số 1104/QĐ-UBND ngày 17/8/2021		6.655,017			6.655,017	
4	Cải tạo, nâng cấp đường Trần Thủ Độ thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	tổng chiều dài tuyến 520m; bề rộng nền đường 7m, kết cấu mặt đường bê tông nhựa nóng. Thoát nước, chiếu sáng	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	3.500,000	3.500,000	3.314,307	Quyết định số 1239/QĐ-UBND ngày 11/10/2021		2.943,925			2.943,925	



STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HI	Năng lực thiết kế	Chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bỏ trị đến hết năm 2020	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo điều chỉnh	Chức chi
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP			Tăng (+)	Giảm (-)		
5	Cải tạo mặt đường Tôn Đức Thắng - đường Lương Định Của. (Đoạn từ Cây xăng Nam Sông Hậu đến Quốc Lộ 60), phường 5 thành phố Sóc Trăng	P5	2021-2025	Chiều dài tuyến khoảng: 1.520m. Lốp bê tông nhựa C12.5, dày 7cm	46/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	11.750,000	11.750,000	11.606,256	11.606,256	9.707,234	9.707,234			9.707,234		
6	Cải tạo, nâng cấp bê tông Maspéro (đoạn từ Cầu C247 đến Cầu 30/4) thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Mở rộng mặt bờ bê tông vữa lên xuống hiện hữu bờ bê tông phía đường Lý Thường Kiệt. Lát mới nền đá granite nhám. Khô, Mở rộng mặt san bờ bê tông thêm 3,0m	49/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	9.950,000	9.950,000	14.950,000	14.950,000	9.140,763	9.140,763			9.140,763		
7	Cải tạo, nâng cấp Cầu 19/5 phường 5, công Thành niên và cải tạo đường kênh Trường Thọ phường 6 thành phố Sóc Trăng	P6	2021-2025	Cải tạo cầu Thành niên, đường Lý Thành Tông nổi dài; Cải tạo cầu 19/5	115/NQ-HĐND ngày 06/9/2022	5.000,000	5.000,000	4.534,773	4.534,773	4.534,000	4.534,000			4.534,000		
8	Đường cấp kênh 30/4 (đoạn từ đường Huỳnh Phan Hộ đến Khu dân cư Minh Châu), phường 6 - thành phố Sóc Trăng	P6	2021-2025	Chiều dài tuyến khoảng 750m, bề rộng mặt đường 10,5m; Mặt đường láng nhựa đá dăm, chiếu sáng, thoát nước	62/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	14.975,000	14.975,000	14.329,571	14.329,571	13.846,204	13.846,204			13.846,204		
9	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Huệ (đoạn từ đường Lê Duẩn đến Chùa Đại Giác), phường 9 thành phố Sóc Trăng	P9	2021-2025	Chiều dài tuyến: 789m; Lốp bê tông nhựa C12.5, dày 7cm; Tuổi nhựa định bán, tiêu chuẩn nhựa 0,5 kg/m2	113/NQ-HĐND ngày 06/9/2022	5.000,000	5.000,000	4.983,973	4.983,973	4.983,000	4.983,000			4.983,000		
10	Cải tạo mặt đường Cao Thắng (đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết khán đài đua ghe ngo), phường 8 thành phố Sóc Trăng	P8	2021-2025	Chiều dài tuyến khoảng: 650m, Lốp bê tông nhựa C12.5, dày 7cm	44/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	6.900,000	6.900,000	6.900,000	6.900,000	6.555,000	6.555,000			6.555,000		
11	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Hoàng Chu (đoạn từ giáp đường Võ Văn Kiệt đến Km(0-550m) phường 7 thành phố Sóc Trăng	P7	2021-2025	Quy mô tuyến đường Lê Hoàng Chu: chiều dài 550m; Quy mô đường nhánh: chiều dài 80 m Thảm bê tông như móng C12.5, dày 7cm	03/NQ-HĐND ngày 03/3/2023	10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000	10.000,000			10.000,000		
12	Cải tạo, nâng cấp đường Lý Thánh Tông (đoạn từ đường Hùng Vương đến Trạm Y Tế) phường 6, thành phố Sóc Trăng	P6	2021-2025	Đoạn từ đường Hùng Vương đến công Thành Niên L.; 270m; Đoạn từ công Thành niên đến Trạm Y tế phường 6 L: 80m; Thảm bê tông nhựa C12.5 dày 7cm	02/NQ-HĐND ngày 03/3/2023	7.300,000	7.300,000	7.300,000	7.300,000	7.300,000	7.300,000			7.300,000	-906,000	6.394,000

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nội dung thiết kế	Chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bỏ tri đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chỉ chế
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tăng (+)	Giảm (-)		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP							
13	Cải tạo nâng cấp đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ đường Trương Công Định đến cầu Chữ Y) phường 2 thành phố Sóc Trăng	P2	2021-2025	Chiều dài 470m, bề rộng 26m, Bề tổng nhựa C12,5 dày trung bình 3cm	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 03/3/2023	7.800,000	7.800,000	7.800,000	7.800,000	7.800,000	7.800,000	7.800,000			7.800,000		
14	Cải tạo, nâng cấp mặt đường Nguyễn Đình Chiểu (đoạn từ hẻm 129 đến đường Lê Duẩn), phường 4 thành phố Sóc Trăng	P4	2021-2025	Chiều dài tuyến: 1075m, bề rộng nền đường 18m. Lốp bề tổng nhựa C12,5, dày 7cm	Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 25/10/2021	9.400,000	9.400,000	9.339,474	9.339,474	9.339,474	8.930,000	8.930,000			8.930,000		
	Lĩnh vực Nông nghiệp và phát triển Nông thôn					3.600,000	3.600,000	3.600,000	3.600,000	3.600,000	3.600,000	3.600,000			3.600,000		
1	Cải tạo, nâng cấp đoạn kè và công kênh Nhân Lực đường Lý Thường Kiệt, phường 4 thành phố Sóc Trăng	P4	2021-2025	Công hợp tác kênh Nhân Lực	Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 21/10/2022	3.600,000	3.600,000	3.600,000	3.600,000	3.600,000	3.600,000	3.600,000			3.600,000		
	Lĩnh vực Quản lý nhà nước					19.120,000	19.120,000	18.944,221	18.944,221	18.944,221	18.442,061	18.442,061			18.442,061		
1	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Văn hóa Thể Thao thành phố Sóc Trăng	P4	2021-2025	Cải tạo nhà thi đấu diện tích 1.391m ² , sân nội bộ, bồn hoa	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	1.920,000	1.920,000	1.866,241	1.866,241	1.866,241	1.684,411	1.684,411			1.684,411		
2	Cải tạo sửa chữa Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thành phố Sóc Trăng	P8	2021-2025	Cải tạo Khối hành chính (01 trệt, 01 lầu), khối phòng giáo viên (01 trệt), hội trường, khu vệ sinh, ...	Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	2.800,000	2.800,000	2.677,980	2.677,980	2.677,980	2.357,650	2.357,650			2.357,650		
4	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Chính trị thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	DT khu đất: 3.785,2 m ² - Công - hàng rào: 38 m ² - Sân đường - thoát nước: 904 m ² - Khối Nhà làm việc: 1.088 m ²	Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 03/3/2023	14.400,000	14.400,000	14.400,000	14.400,000	14.400,000	14.400,000	14.400,000			14.400,000		
	Lĩnh vực Văn hóa					14.995,000	14.995,000	14.995,000	14.995,000	14.995,000	14.995,000	14.995,000			14.995,000		
1	Lắp đặt hình tượng Cá chép hóa rồng trên bờ kè sông Maspéro (đoạn từ cầu 30/4 đến cầu C247) thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Biểu tượng các chép hóa rồng kích thước tổng thể 5.6mx8.32m, 2 biểu tượng 2 bên bờ sông Maspéro	Nghị quyết số 117/NQ-HĐND ngày 06/9/2022	14.995,000	14.995,000	14.995,000	14.995,000	14.995,000	14.995,000	14.995,000			14.995,000	Dùng dự án	
	Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật					31.157,000	31.157,000	31.904,151	31.904,151	31.904,151	14.980,000	14.980,000			14.980,000		
1	Cải tạo Kênh 8m thành Công viên phường 2 thành phố Sóc Trăng	P2	2021-2025	Công viên: nền lót gạch tự chế kết hợp với nền đá granite, Bô tri 03 bãi xe, Nhà vệ sinh công cộng	Nghị quyết số 114/NQ-HĐND ngày 06/9/2022	14.980,000	14.980,000	13.904,151	13.904,151	13.904,151	13.904,000	13.904,000			13.904,000		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nội dung thiết kế	Chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tăng (+)	Giảm (-)		
2	Cải tạo vỉa hè đường Võ Văn Kiệt và trang trí công chào (đoạn từ vòng xoay Quốc lộ 60 đến ngã ba Trà Mơn), phường 7, thành phố Sóc Trăng	P7	2021-2025		9.656,000	9.656,000						9.656,000		9.656,000	
3	Xây dựng hệ thống thoát nước, vỉa hè đường Phạm Hùng (đoạn từ đường Coluso đến đường Vĩnh Đại I), phường 8, thành phố Sóc Trăng	P8	2021-2025		6.521,000	6.521,000						6.521,000		6.521,000	
III	Thanh toán công tác quyết toán công trình, xét toán tài khoản các công trình đã được phê duyệt quyết toán					383.094,000	383.094,000		364.216,665	354.216,531		44.464,456	-67.864,456	444.000,000	
IV	Dự phòng đầu tư kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội; điều chỉnh tổng mức đầu tư					383.094,000	383.094,000		364.216,665	354.216,531		43.531,000	-14.772,195	349.227,187	
B	NGUỒN VỐN THU SỬ DỤNG ĐẤT					196.750,000	196.750,000		195.435,320	190.435,186		6.937,000	-	169.831,333	
I	Chuẩn bị đầu tư														
II	Thực hiện dự án														
	Lĩnh vực Giao thông														
1	Cải tạo mặt đường Xô Viết Nghệ Tĩnh (đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Điện Biên Phủ), phường 6, thành phố Sóc Trăng	P6	2021-2025	Tổng chiều dài 208 m, bề rộng mặt đường từ 8,5m đến 9 m,	1.100,000	1.100,000	Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	1.023,037	1.023,037	1.023,037		878,424		878,424	
2	Cải tạo mặt đường Đặng Văn Viên (đoạn từ đường Tôn Đức Thắng đến đầu Hẻm 5), phường 8 thành phố Sóc Trăng	P8	2021-2025	Tổng chiều dài 187m, bề rộng mặt đường từ 5,5m đến 6m,	610,000	610,000	Nghị quyết số 139/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	538,643	538,643	538,643		484,710		484,710	
3	Cải tạo mặt đường Kênh Xáng (đoạn từ đường Võ Đình Sâm đến đường Coluso), phường 8 thành phố Sóc Trăng	P8	2021-2025	Tổng chiều dài 2.110m, bề rộng mặt đường từ 4m đến 6m,	5.600,000	5.600,000	Nghị quyết số 136/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	5.166,795	5.166,795	5.166,795		4.916,941		4.916,941	
4	Nâng cấp, sửa chữa cầu C247 thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Sửa chữa các hư hỏng cục bộ, thay thế và khôi phục tiết diện chịu lực cho các kết cấu hư hỏng chiều dài cầu 60 mét.	14.940,000	14.940,000	Nghị quyết số 134/NQ-HĐND ngày 18/12/2020	14.940,000	14.940,000	14.940,000		14.458,384		14.458,384	
5	Nâng cấp, sửa chữa cầu 30/4 thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Sửa chữa các hư hỏng cục bộ, thay thế và khôi phục tiết diện chịu lực cho các kết cấu hư hỏng chiều dài cầu 60 mét.	14.950,000	14.950,000	Nghị quyết số 133/NQ-HĐND ngày 18/12/2020	14.950,000	14.950,000	14.950,000		14.460,073		14.460,073	



TT	Điểm đầu XD	Điểm cuối XD	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành		TMBT		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành		TMBT		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
6		P8	2021-2025	Nâng cấp, sửa chữa và xây mới 02 cầu đường Chông Chác, phường 5, thành phố Sóc Trăng	Tổng chiều dài 338 m, bề rộng nền đường từ 4,3m đến 4,7m, kết cấu mặt đường thảm bê tông nhựa	Nghị quyết số 137/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	900.000	900.000	900.000	900.000	805.593	805.593	805.593	701.156	701.156		701.156		
7		P6	2021-2025	Cải tạo mặt đường Kênh Hồ Nước Ngọt, phường 6 thành phố Sóc Trăng	Tổng chiều dài 1.563m, bề rộng nền đường 6m (lông đường 5m, lề mỗi bên 0,5x2m).	Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.270.655	6.270.655		6.270.655		
8		P8	2021-2025	Cải tạo mặt đường Trần Văn Hòa, phường 8 thành phố Sóc Trăng	tổng chiều dài 376m, bề rộng nền đường từ 5,5m 6m,	Nghị quyết số 140/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	985.643	985.643	985.643	861.557	861.557		861.557		
9		P3	2021-2025	Cải tạo mặt đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường 3 thành phố Sóc Trăng	Tổng chiều dài 520 m, bề rộng nền đường 6,5m,	Nghị quyết số 150/NQ-HĐND ngày 18/12/2020	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	1.795.243	1.795.243	1.795.243	1.677.260	1.677.260		1.677.260		
10		P10	2021-2025	Nâng cấp Hẻm 962 (đoạn từ đường Võ Văn Kiệt đến km0+550m) phường 10, thành phố Sóc Trăng	Chiều dài tuyến khoảng: L= 550m, bề rộng nền đường 14m kết cấu mặt đường đá dăm láng nhựa,	Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	14.980.000	14.980.000	14.980.000	14.980.000	14.939.340	14.939.340	14.939.340	13.681.000	13.681.000		13.681.000		
11		P6	2021-2025	Cải tạo nâng cấp hẻm 36 (đoạn từ đường Huỳnh Phan Hộ đến đường Kênh 30/4) phường 6, thành phố Sóc Trăng	Chiều dài tuyến: L= 322m; Mặt đường rộng: 8m, lề đường 1,5m x 2,	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	6.626.075	6.626.075	6.626.075	5.717.664	5.717.664		5.717.664		
12		P7	2021-2025	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Trường Tộ, phường 7 thành phố Sóc Trăng	Chiều dài tuyến: 1980m	Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 25/10/2021	8.300.000	8.300.000	8.300.000	8.300.000	8.266.718	8.266.718	8.266.718	7.390.015	7.390.015		7.390.015		
13		P5	2021-2025	Nâng cấp, sửa chữa và xây mới 02 cầu đường Chông Chác, phường 5, thành phố Sóc Trăng	Chiều dài tuyến: 5300m; Xây mới 2 cầu: cầu kènh 77 và cầu kènh 2/9	Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 25/10/2021	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	6.996.738	6.996.738	6.996.738	6.504.123	6.504.123		6.504.123		
14		P4	2021-2025	Cải tạo, nâng cấp đường Lý Thường Kiệt (đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường 9B Khu dân cư 9A) phường 4 thành phố Sóc Trăng	Phần đường: tổng chiều dài tuyến 2000m, mặt đường phân xe chạy rộng 9m; kết cấu mặt đường bê tông nhựa nóng, kết vach tum đường	Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	14.900.000	14.900.000	14.900.000	14.900.000	14.896.812	14.896.812	14.896.812	14.136.350	14.136.350		14.136.350		
15		P3	2021-2025	Nâng cấp, mở rộng đường Văn Ngoc Chinh (đoạn từ trường Tiểu học Lê Hồng Phong đến cầu Tô Lịch), phường 3 thành phố Sóc Trăng	Chiều dài tuyến khoảng 820m, bề rộng đường 15m. Mặt đường láng nhựa 2 lớp dày 2,5cm	Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 25/10/2021	14.990.000	14.990.000	14.990.000	14.990.000	14.900.000	14.900.000	14.900.000	14.682.480	14.682.480		14.682.480		



TT	Định danh XD	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chỉ chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT	Trong đó: NSĐP	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT	Trong đó: NSĐP		Tăng (+)	Giảm (-)		
16	Cải tạo mặt đường Tôn Đức Thắng - đường Lương Đình Của (đoạn từ Cây xăng Nam Sông Hậu đến Quốc Lộ 60), phường 5 thành phố Sóc Trăng	2021-2025	Chiều dài tuyến khoảng: 1.520m, Lốp bê tông nhựa C12.5, dày 7cm	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	11.750,000	11.750,000	11.750,000	11.750,000	11.750,000	11.750,000	11.750,000	891,853			891,853	
17	Cải tạo, nâng cấp bê tông Maspéro (đoạn từ Cầu C247 đến Cầu 30/4) thành phố Sóc Trăng	2021-2025	Mở rộng mặt bờ bê tông vữa lên xuống hiện hữu bờ bê tông phía đường Lý Thường Kiệt,	Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	9.950,000	9.950,000	9.950,000	9.950,000	9.950,000	9.950,000	9.950,000	402,188			402,188	
18	Thảm nhựa mặt đường 9B Khu dân cư 5A (đoạn từ đường Mạc Đĩnh Chi đến đường Lý Thường Kiệt), phường 4 thành phố Sóc Trăng	2021-2025	Chiều dài tuyến 2.146m; Lốp bê tông nhựa C12.5, dày 7cm; Tưới nhựa định bảm, tiêu chuẩn nhựa 0,5 kg/m2.	Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 06/9/2022	14.750,000	14.750,000	14.750,000	14.750,000	14.750,000	14.750,000	14.750,000	14.713,000			14.713,000	
19	Thảm nhựa mặt đường 9A Khu dân cư 5A (đoạn từ đường Mạc Đĩnh Chi đến đường 9B Khu dân cư 5A), phường 4 thành phố Sóc Trăng	2021-2025	Chiều dài tuyến 2.123m; Lốp bê tông nhựa C12.5, dày 7cm; Tưới nhựa định bảm, tiêu chuẩn nhựa 0,5 kg/m2	Nghị quyết số 112/NQ-HĐND ngày 06/9/2022	14.860,000	14.860,000	14.860,000	14.860,000	14.860,000	14.860,000	14.860,000	10.852,105			10.852,000	
20	Cải tạo, nâng cấp đường cấp kênh 30/4 (từ đường Lý Thường Kiệt đến đường Vành đai D), phường 6 thành phố Sóc Trăng	2021-2025	L=1.210m, rộng 7,5m, đá dăm láng nhựa, Thoát nước, vỉa hè, cây xanh	Nghị quyết số 128/NQ-HĐND ngày 21/10/2022	14.980,000	14.980,000	14.980,000	14.980,000	14.980,000	14.980,000	14.974,000	14.974,000			14.974,000	
21	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Văn Bảy (đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường 30/4), phường 3 thành phố Sóc Trăng	2021-2025	Chiều dài tuyến: 1020m; Tải trọng: Mặt đường Láng nhựa, Sơn vạch kẻ đường; Làm mới hệ thống thoát nước, Làm mới vỉa hè	Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 25/10/2021	14.990,000	14.990,000	14.990,000	14.990,000	14.990,000	14.988,455	14.988,455	14.240,500			14.240,500	
22	Xây dựng đường D1 (đoạn từ đường Phan Văn Chiêu đến Km0+750m), phường 1, thành phố Sóc Trăng	2021-2025			34.625,000	34.625,000	34.625,000	34.625,000	34.625,000	34.625,000	34.625,000	6.937,000		6.937,000	6.937,000	
	Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn											33.589,198		-14.224,293	19.364,905	
1	Gia cố mái taluy kênh Nhân Lực (từ đường Mạc Đĩnh Chi đến kênh Cỏ Bao), phường 9 thành phố Sóc Trăng	2021-2025	Tường chắn để tránh bị mất đơn giúp nối bên phải tuyến với công qua đường Mạc Đĩnh Chi bằng BTCT dày 25cm, móng đóng cọc BTCT 15x25, dài 8 mét	Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 15/11/2021	8.800,000	8.800,000	8.800,000	8.800,000	8.800,000	8.800,000	8.800,000	7.764,198			7.764,198	
2	Cải tạo, nâng cấp mở rộng 02 bên bờ kênh Maspéro phường 1, phường 8 thành phố Sóc Trăng	2021-2025	Chiều dài 280m, cải tạo bờ bê tông, cầu tiêu, lắp bộ hành	Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 03/3/2023	14.725,000	14.725,000	14.725,000	14.725,000	14.725,000	14.725,000	14.725,000	14.725,000			14.725,000	682,707
3	Gia cố sạt lở kênh 3/2 (tại vị trí công đường Bạch Đằng), phường 9 thành phố Sóc Trăng	2021-2025	Gia cố bê tông 3/2 dài 68,2m, đường đai tại vị trí công dài 64m, rộng 4m	Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 05/3/2023	2.800,000	2.800,000	2.800,000	2.800,000	2.800,000	2.800,000	2.800,000	2.800,000			2.800,000	2.618,000

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nội dung thiết kế	Chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giải ngân 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn giải ngân 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tăng (+)	Giảm (-)		
4	Dự án Kế hoạch cơ sở kiến trúc 30/4 (đoạn từ Trạm y tế phường 6 đến đường Hoàng Phấn Hới), phường 6, thành phố Sóc Trăng	P6	2023-2025	Chiều dài bê tông cốt thép 40m, cốt thép 14m, chiều dài 95m, vỉa hè, HTCS	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 14/11/2023	8.300,000	8.300,000	Quyết định số 2504/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	8.300,000	8.300,000		8.300,000				8.300,000	
	Lĩnh vực Văn hóa					22.299,000	22.299,000		22.272,740	22.272,740		21.222,009		-270,902	20.951,107		
1	Trang trí Cầu C247, Cầu 30 tháng 4 có bề rộng 12 mét, chiều dài 60 mét, Trang trí Cầu Maspero có bề rộng 14m, chiều dài 95m, Công chào đường 30 tháng 4	TPST	2021-2025	Trang trí Cầu C247, Cầu 30 tháng 4 có bề rộng 12 mét, chiều dài 60 mét, Trang trí Cầu Maspero có bề rộng 14m, chiều dài 95m, Công chào đường 30 tháng 4	Nghị quyết số 135/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	12.200,000	12.200,000	Quyết định số 1491/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	12.173,740	12.173,740		11.784,744			11.784,744		
2	Xây dựng Công chào và trang trí các tuyến đường Phạm Hùng; đường Tháng 4; đường Mạc Đĩnh Chi	TPST	2021-2025	Công chào đường 30 tháng 4 giáp Mỹ Xuyên; đường Phạm Hùng; đường Mạc Đĩnh Chi	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 25/10/2021	7.700,000	7.700,000	Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	7.700,000	7.700,000		7.315,000		-270,902	7.044,098		
3	Trang trí bờ bê tông và hệ lan can đến Led nghệ thuật (đoạn từ cầu C247 đến cầu 30/4) thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Tổng chiều dài 673m	Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	2.399,000	2.399,000	Quyết định số 1372/QĐ-UBND ngày 28/10/2021	2.399,000	2.399,000		2.122,265			2.122,265		
	Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật					65.768,000	65.768,000		49.098,521	44.098,522		41.798,518		-145,000	62.650,518		
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước Hẻm 308, đường Trần Hưng Đạo, phường 10, thành phố Sóc Trăng	P10	2021-2025	Tổng chiều dài 273 m, rộng 2,5 m, kết cấu mặt bê tông cốt thép dày 10 cm; HITN dọc tuyến	Nghị quyết số 125/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	830,000	830,000	Quyết định số 1484/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	830,000	830,000		718,898			718,898		
2	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước Hẻm 383 (đoạn còn lại), đường 30 tháng 4, phường 9, thành phố Sóc Trăng	P9	2021-2025	Tổng chiều dài 423,5 m, bề rộng mặt bê tông 3,0 m, kết cấu mặt bê tông cốt thép dày 08 cm; HITN dọc tuyến	Nghị quyết số 126/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	1.150,000	1.150,000	Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	1.150,000	1.150,000		996,017			996,017		
3	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước các hẻm trên địa bàn phường 7, thành phố Sóc Trăng	P7	2021-2025	Cải tạo, nâng cấp 05 hẻm trên địa bàn phường 07	Nghị quyết số 130/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	2.880,000	2.880,000	Quyết định số 1486/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	2.546,939	2.546,939		2.305,560			2.305,560		
4	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước các hẻm trên địa bàn phường 8, thành phố Sóc Trăng	P8	2021-2025	Cải tạo, nâng cấp 07 hẻm trên địa bàn phường 8	Nghị quyết số 128/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	2.390,000	2.390,000	Quyết định số 1487/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	2.390,000	2.390,000		2.174,407			2.174,407		
5	Lắp đặt hệ thống đèn Led đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ Ủy ban nhân dân phường 5 đến giáp đường Chông Chác) thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Lắp đặt 63 trụ đèn, đèn đèn và bóng đèn	Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 18/12/2020	3.250,000	3.250,000	Quyết định số 1858/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	3.250,000	3.250,000		3.200,382			3.200,382		
6	Trung tâm điều hành đô thị thông minh thành phố Sóc Trăng	P2	2021-2025	Thiết bị công nghệ thông tin, cải tạo phòng họp thông minh	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	9.950,000	9.950,000	Quyết định số 1310/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	14.949,999	9.950,000		8.748,254			8.748,254		

17/11/2022

STT	Đanh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Năng lực thiết kế	Chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn đã bỏ tri đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Chỉ chủ
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tăng (+)	Giảm (-)		
7	Cải tạo chống ngập khu vực trước bến xe khách đường Lê Duẩn, phường 3 thành phố Sóc Trăng	P3	2021-2025	diện tích khoảng 1.940 m ² ; Thảm bê tông nhựa nóng C12,5; Xây dựng hệ thống thoát nước bằng công nghệ tấm D600	1.000,000	1.000,000	1.000,000	671,260	671,260	671,260	671,260	671,000			671,000		
8	Cải tạo, sửa chữa và thay thế bóng đèn Led tuyến đường Trần Hưng Đạo - Hai Bà Trưng - Lê Lợi thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Thay 275 bóng đèn Led, Đầu tư hệ thống cấp ngầm CXV/DSTA 3x16 mm ² luôn trong ống HDPE đi ngầm dưới lòng đất cho đoạn lắp	4.921,000	4.921,000	4.921,000	4.914,569	4.914,569	4.914,569	4.914,569	4.914,000			4.914,000		
9	Thay thế bóng đèn Led các tuyến đường cấp hai bờ sông Maspero - Tuyến đường Lý Thường Kiệt (đoạn từ đầu Voi đến đường 9B) - Tuyến đường Điện Biên Phủ (đoạn từ giáp Cầu Chữ Y đến giáp cầu Maspero)	TPST	2021-2025	Thay 403 bóng đèn Led; Đầu tư hệ thống cấp ngầm CXV/DSTA 3x16 mm ² luôn trong ống HDPE đi ngầm dưới lòng đất cho đoạn lắp trụ mới	4.700,000	4.700,000	4.700,000	4.695,754	4.695,754	4.695,754	4.695,754	4.695,000			4.695,000		
10	Cải tạo vỉa hè đường Lê Duẩn (đoạn từ vòng xoay Phú Lợi đến vòng xoay Mạc Đĩnh Chi), phường 3, phường 9 thành phố Sóc Trăng	P3,9	2021-2025	L=2.280m; Lốp vỉa hè bê tông M75 dày 2cm; Lốp cấp phối loại 2 dày 10cm	6.500,000	6.500,000	6.500,000	6.500,000	6.500,000	6.500,000	6.500,000	6.175,000			6.175,000		
11	Cải tạo, nâng cấp chống ngập ứng tại vòng xoay đường Lê Duẩn - Lê Hồng Phong, phường 3 thành phố Sóc Trăng	P3	2021-2025	Xây dựng trạm bơm điện khu vực cửa xả công thoát nước đường Lê Duẩn tại kênh Hitech	7.200,000	7.200,000	7.200,000	7.200,000	7.200,000	7.200,000	7.200,000	7.200,000		-145,000	7.055,000		
12	Xây dựng hệ thống thoát nước đường Võ Văn Kiệt (đoạn từ đường Dương Kỳ Hiệp đến đường Trần Thủ Độ), phường 2, phường 10, thành phố Sóc Trăng	P2-10	2021-2025		14.660,000	14.660,000	14.660,000						14.660,000		14.660,000		
13	Cải tạo hệ thống thoát nước đường 30 tháng 4 (đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến cầu Khánh Hưng), phường 2, thành phố Sóc Trăng	P2	2021-2025		5.397,000	5.397,000	5.397,000						5.397,000		5.397,000		
14	Cải tạo vỉa hè đường Điện Biên Phủ (đoạn từ Cầu Chữ Y đến đường Yết Kiêu), phường 6, thành phố Sóc Trăng	P6	2021-2025		940,000	940,000	940,000						940,000		940,000		
15	Xây dựng công hàng rào, sân đường, nhà xe một số trường Tiểu học trên địa bàn thành phố Sóc Trăng	TPST	2021-2025	Hàng rào, sân đường, nhà xe	24.895,000	24.895,000	24.895,000	24.894,514	24.894,514	24.894,514	24.894,514	24.631,947			24.631,947		
16	Xây dựng Trường Tiểu học phường 6 thành phố Sóc Trăng (giai đoạn 2)	P6	2021-2025	Xây dựng khối 15 phòng học, 1 toilet, 2 lầu, tường BTCT, mái tole, nền gạch ceramic	4.200,000	4.200,000	4.200,000	4.199,514	4.199,514	4.199,514	4.199,514	3.941,947			3.941,947		
17	Xây dựng Trường Tiểu học phường 6 thành phố Sóc Trăng (giai đoạn 2)	P6	2021-2025	Xây dựng khối 15 phòng học, 1 toilet, 2 lầu, tường BTCT, mái tole, nền gạch ceramic	14.965,000	14.965,000	14.965,000	14.965,000	14.965,000	14.965,000	14.965,000	14.960,000			14.960,000		



TT	Đanh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nội dung thiết kế	Chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Chị chủ		
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		Tăng (+)	Giảm (-)			
3	Xây dựng các phòng chức năng Trường Tiểu học phường 5 thành phố Sóc Trăng (điểm Chông Chate)	P5	2021-2025	Xây mới các phòng chức năng	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 03/3/2023	5.730,000	5.730,000	5.730,000	5.730,000	5.730,000	5.730,000	5.730,000	5.730,000			5.730,000		
	Quản lý nhà nước					38.757,000	38.757,000	38.757,000	38.757,000	38.757,000	38.757,000	38.757,000	38.757,000		15.597,000	-132,000	51.797,377	
1	Xây dựng trụ sở Ban nhân dân khóa 3, phường 2, thành phố Sóc Trăng	P2	2021-2025	Xây dựng trụ sở Ban nhân dân khóa 3 và các hạng mục phụ trợ.	Nghị quyết số 129/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	1.500,000	1.500,000	1.500,000	1.500,000	1.500,000	1.500,000	1.500,000	1.500,000			1.401,939		
2	Cải tạo sửa chữa trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân phường 2, Ủy ban nhân dân phường 3, Ủy ban nhân dân phường 4 thành phố Sóc Trăng	P2,3,4	2021-2025	Sơn lại trụ sở bằng sơn các loại, thay tole, la phòng, thay gạch lát nền, xử lý chống ẩm, ...	Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	851,000	851,000	851,000	851,000	851,000	851,000	851,000	851,000			772,001		
3	Cải tạo sửa chữa trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân phường 9, Ủy ban nhân dân phường 10 thành phố Sóc Trăng	P9,10	2021-2025	Sơn lại trụ sở bằng sơn các loại, thay tole, la phòng, thay gạch lát nền, xử lý chống ẩm, ...	Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	1.513,000	1.513,000	1.513,000	1.513,000	1.513,000	1.513,000	1.513,000	1.513,000			1.290,260		
4	Cải tạo sửa chữa trụ sở các khóa trên địa bàn phường 6, phường 7, phường 8, phường 9, phường 10 thành phố Sóc Trăng	P6,7,8,9,10	2021-2025	Sơn lại trụ sở bằng sơn các loại, thay tole, la phòng, thay gạch lát nền, xử lý chống ẩm, ...	Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	4.565,000	4.565,000	4.565,000	4.565,000	4.565,000	4.565,000	4.565,000	4.565,000			3.438,172		
5	Cải tạo sửa chữa trụ sở các khóa trên địa bàn phường 2, phường 3, phường 4, phường 5 thành phố Sóc Trăng	P2,3,4	2021-2025	Sơn lại trụ sở bằng sơn các loại, thay tole, la phòng, thay gạch lát nền, xử lý chống ẩm, ...	Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	1.812,000	1.812,000	1.812,000	1.812,000	1.812,000	1.812,000	1.812,000	1.812,000			1.289,300		
6	Cải tạo sửa chữa trụ sở phường đội phường 2, phường 3, phường 4 phường 5 thành phố Sóc Trăng	P2,3,4	2021-2025	Sơn lại trụ sở bằng sơn các loại, thay tole, la phòng, thay gạch lát nền, xử lý chống ẩm, ...	Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	629,000	629,000	629,000	629,000	629,000	629,000	629,000	629,000			556,796		
7	Cải tạo sửa chữa trụ sở phường đội phường 7, phường 8, phường 10 thành phố Sóc Trăng	P2,3,4	2021-2025	Sơn lại trụ sở bằng sơn các loại, thay tole, la phòng, thay gạch lát nền, xử lý chống ẩm, ...	Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	1.030,000	1.030,000	1.030,000	1.030,000	1.030,000	1.030,000	1.030,000	1.030,000			726,909		
8	Xây dựng Phòng Truyền thanh và Thông tin thuộc Trung tâm Văn hoá - Thể thao - Truyền thanh TP Sóc Trăng	P9	2021-2025	Diện tích đất xây dựng: 437,3 m ² . - Xây dựng trụ sở Đài truyền thanh (gồm 01 trệt, 02 lầu) và các hạng mục phụ trợ	Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 06/9/2022	9.630,000	9.630,000	9.630,000	9.630,000	9.630,000	9.630,000	9.630,000	9.630,000			9.630,000		
9	Xây dựng trụ sở Đảng ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân phường 7 thành phố Sóc Trăng	P7	2021-2025	Diện tích khu đất: 2.979,70 m ² . Diện tích đất xây dựng: 411,38m ² . Diện tích sàn xây dựng 1.239,48m ² , gồm 01 trệt, 02 lầu và các hạng mục phụ trợ trên	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 03/3/2023	14.997,000	14.997,000	14.997,000	14.997,000	14.997,000	14.997,000	14.997,000	14.997,000			14.997,000		



TT	Định điểm XD	Thời hạn KC-HT	Năng lực thiết kế	Chủ trương đầu tư		Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch trung hạn giải đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn giải đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT	Trong đó: NSDP			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		
10	TPST	2021-2025	LĐ hệ thống PCCC	Nghi quyết số 06/NQ-UBND ngày 03/3/2023	2.230,000	2.230,000	2.230,000	2.230,000	2.230,000		-132,000	2.098,000	
11	P7	2021-2025								1.597,000		1.597,000	
12	P5	2021-2025								14.000,000		14.000,000	
III									5.066,544	933,456		6.000,000	
IV									128.681.830		-53.097.261	75.590.569	
V									8.000			8.000	

Phụ lục II

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN KẾT DƯ NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ
GIẢI ĐOÀN TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Nghị quyết số 3/NQ-HĐND ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lấy kế đã bố trí đến hết KH năm 2020	Kế hoạch giải đoạn 2021-2025 đã phê duyệt	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch giải đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn kết dư ngân sách thành phố	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn kết dư ngân sách thành phố			Tăng (+)	Giảm (-)	
	Tổng cộng					115.562,000	63.742,000	0,000	115.561,999	43.842,000		74.285,900	-10.200,000	64.085,900	
I	Lĩnh vực Giao thông					24.950,000	24.950,000		24.950,000	15.000,000		14.931,000		14.931,000	
1	Xây dựng đường dân sinh cấp bờ kè sông Maspero phường 8 thành phố Sóc Trăng	P8	Chiều dài tuyến: 650 mét; Xây dựng 01 cầu giao thông...	2021-2025	Nghị quyết số 161/NQ-HĐND ngày 10/3/2021	10.000,000	10.000,000	Quyết định số 729/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	10.000,000	10.000,000		9.931,000		9.931,000	
2	Cải tạo, nâng cấp bờ kè sông Maspero (đoạn từ Cầu C247 đến Cầu 30/4) thành phố Sóc Trăng	TPST	L=658m, Hệ thống thoát nước; Bồn lịoia, bó vĩa, Cầu tàu	2021-2025	Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	14.950,000	14.950,000	Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 31/8/2021	14.950,000	5.000,000		5.000,000		5.000,000	
II	Lĩnh vực Quản lý Nhà nước					65.462,000	13.642,000		65.462,000	13.642,000		13.605,900		13.605,900	
1	Cải tạo nâng cấp trụ sở Công an thành phố Sóc Trăng	P1	Hàng rào, bếp ăn và khu tập thể của cán bộ, chiến sĩ	2021-2025	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	722,000	722,000	Quyết định số 1103/QĐ-UBND ngày 17/8/2021	722,000	722,000		685,900	-	685,900	
2	Mở rộng Trụ sở Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng thành Trụ sở Thành ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng	P2	Thành ủy và các đoàn thể chính trị (5 tầng nổi và 01 tầng bán hầm) tổng diện tích 3.349m ² , thiết bị và các hạng mục	2021-2025	Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 20/5/2022	64.740,000	12.920,000	Quyết định số 2370/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	64.740,000	12.920,000		12.920,000	-	12.920,000	
III	Lĩnh vực Hệ tầng kỹ thuật					14.950,000	14.950,000		14.949,999	5.000,000		5.000,000	-	5.000,000	
1	Trung tâm điều hành đô thị thông minh thành phố Sóc Trăng	TPST	Thiết bị công nghệ thông tin, cải tạo phòng họp thông minh	2021-2025	Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	14.950,000	14.950,000	Quyết định số 1310/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	14.949,999	5.000,000		5.000,000	-	5.000,000	





Stt	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lấy kế đã bố trí đến hết KH năm 2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 đã phê duyệt	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn kết dư ngân sách thành phố	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn kết dư ngân sách thành phố			Tăng (+)	Giảm (-)	
IV	Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn				10.200,000	10.200,000	10.200,000	10.200,000	10.200,000	10.200,000	10.200,000	-10.200,000	0,000		
I	Mở rộng vỉa hè bờ tả sông Maspero (đoạn từ cầu C247 đến cầu 30/4) thành phố Sóc Trăng	P1,6	Phạm vi mở rộng 2m, bề rộng trung bình 7m	2021-2025	Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 14/7/2022	10.200,000	10.200,000	10.200,000	10.200,000	10.200,000	10.200,000	-10.200,000	0,000		
V	Lĩnh vực Giáo dục				30.549,000	30.549,000	30.549,000				30.549,000		30.549,000		
1	Lắp đặt Hệ thống phòng cháy chữa cháy các Trường Mẫu giáo trên địa bàn thành phố Sóc Trăng	TPST	Lắp đặt Hệ thống phòng cháy chữa cháy cho khối Mẫu giáo các trường trên địa bàn thành phố	2023-2025	Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 14/11/2023	6.000,000	6.000,000	6.000,000			6.000,000		6.000,000		
2	Lắp đặt Hệ thống phòng cháy chữa cháy các Trường Tiểu học trên địa bàn thành phố Sóc Trăng	TPST	Lắp đặt Hệ thống phòng cháy chữa cháy cho khối Tiểu học các trường trên địa bàn thành phố	2023-2025	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 14/11/2023	13.699,000	13.699,000	13.669,000	13.669,000	13.669,000	13.699,000		13.699,000		
3	Lắp đặt Hệ thống phòng cháy chữa cháy các Trường Trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Sóc Trăng	TPST	Lắp đặt Hệ thống phòng cháy chữa cháy cho khối THCS trên địa bàn thành phố	2023-2025	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 14/11/2023	10.850,000	10.850,000	10.850,000			10.850,000		10.850,000		

Phụ lục III

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGUỒN KINH PHÍ TIẾT KIỆM CHI NĂM 2020 CHƯA SỬ DỤNG CHUYÊN SANG NĂM 2021
TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế đã bố trí đến hết KH năm 2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn kinh phí tiết kiệm chi năm 2020 chưa sử dụng chuyên sang năm 2021	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn kinh phí tiết kiệm chi năm 2020 chưa sử dụng chuyên sang năm 2021			Tăng (+)	Giảm (-)		
	Tổng cộng (01 dự án)					690,000	690,000	690,000	690,000	690,000	690,000	-	-	690,000		
I	Lĩnh vực Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp (01 dự án)					690,000	690,000	690,000	690,000	690,000	690,000	-	-	690,000		
I	Cải tạo 04 phòng học Trường Mẫu giáo Ân Xuân (điểm lẻ), thành phố Sóc Trăng	P8	Cải tạo 04 phòng học, nhà vệ sinh và sân đường thoát nước	2021-2025	Nghị quyết số 92/NQ-HĐND ngày 17/12/2021	690,000	690,000	690,000	Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 21/01/2022	690,000	690,000	-	-	690,000	690,000	

Phụ lục IV

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN TÌNH HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU TỪ NGUỒN XỐ SỐ KIẾN THIẾT GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Nghị quyết số 8/NQ-HĐND ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lấy kế đã bố trí đến hết KH năm 2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 đã được giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn tỉnh hỗ trợ từ nguồn XSKT	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn tỉnh hỗ trợ từ nguồn XSKT			Tăng (+)	Giảm (-)		
	Tổng cộng				196.725,000	196.725,000	196.725,000	113.080,000	113.080,000	113.080,000	195.520,000	-80,000	-80,000	195.440,000		
	Lĩnh vực Giáo dục				196.725,000	196.725,000	196.725,000	113.080,000	113.080,000	113.080,000	195.520,000	-80,000	-80,000	195.440,000		
1	Xây dựng trường mẫu giáo Ên Xuân - thành phố Sóc Trăng	TPST	Xây dựng Khối Hiệu bộ, khối 09 phòng học, nhà đa năng và các HM phụ trợ	2021-2025	141/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	14.900,000	14.900,000	14.900,000	14.900,000	14.900,000	14.540,000	-	-	14.540,000		
2	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học phường 1 - thành phố Sóc Trăng	P1	Khởi HC quán tri, 10 phòng học, phòng chức năng	2021-2025	131/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	14.975,000	14.975,000	14.975,000	14.975,000	14.975,000	14.425,000	-	-	14.425,000		
3	Xây dựng trường Tiểu học phường 6 - thành phố Sóc Trăng	P6	Khởi hành chính quán tri và các HM phụ trợ	2021-2025	59/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	14.950,000	14.950,000	14.950,000	14.835,000	14.835,000	14.745,000	-	-	14.745,000		
4	Mở rộng 20 phòng học trường Tiểu học và Trung học cơ sở Lý Thường Kiệt, phường 1, thành phố Sóc Trăng	P1	XD khởi 20 phòng học	2021-2025	159/NQ-HĐND ngày 10/3/2021	14.500,000	14.500,000	14.500,000	14.500,000	14.500,000	14.485,000	-	-	14.485,000		
5	Xây dựng khởi hành chính quán tri trường THCS Lê Quý Đôn - thành phố Sóc Trăng	P4	XD khởi hành chính quán tri	2021-2025	158/NQ-HĐND ngày 10/3/2021	5.255,000	5.255,000	5.255,000	5.255,000	5.255,000	5.180,000	-	-	5.180,000		
6	Nâng cấp, mở rộng trường Tiểu học Phú Lợi, phường 2 thành phố Sóc Trăng. Hàng mục: 6 phòng học	P2	XD khởi phòng, khối HC quán tri	2021-2025	56/NQ-HĐND ngày 7/9/2021	14.975,000	14.975,000	14.975,000	14.975,000	14.975,000	14.975,000	-	-	14.975,000		
7	Cải tạo trường Trung học cơ sở Dương Kỳ Hiệp, phường 2 thành phố Sóc Trăng	P2	Cải tạo khởi phòng học, các HM phụ trợ	2021-2025	57/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	9.700,000	9.700,000	9.700,000	9.700,000	9.700,000	9.700,000	-	-	9.700,000		



tt	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lấy kế đã bố trí đến hết KH năm 2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 đã được giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn tỉnh hỗ trợ từ nguồn XSKT	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn tỉnh hỗ trợ từ nguồn XSKT			Tăng (+)	Giảm (-)		
8	Trường Mẫu giáo 1/6	P6	Cải tạo các phòng học, các HM phụ trợ	2021-2025	Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	13.000,000	13.000,000	13.000,000	Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 28/10/2021	13.000,000	13.000,000	-	-	13.000,000		
9	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai phường 3 thành phố Sóc Trăng	P3	Cải tạo các phòng học, các HM phụ trợ	2021-2025	Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	10.940,000	10.940,000	10.940,000	Quyết định số 5111/QĐ-UBND ngày 09/3/2021	10.940,000	10.940,000	-	-	10.940,000		
0	Cải tạo nâng cấp trường Tiểu học Lâm Thành Hưng, phường 7 thành phố Sóc Trăng	P2	XD khối phòng học và các HM phụ trợ	2021-2025	Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 23/10/2020	14.950,000	14.950,000	14.950,000			14.950,000	-	-	14.950,000		
1	Xây dựng 15 phòng học trường tiểu học phường 10 - thành phố Sóc Trăng	P10	XD khối 15 phòng học và các HM phụ trợ	2021-2025	Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	11.015,000	11.015,000	11.015,000			11.015,000	-15,000	-15,000	11.000,000		
2	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học Lê Hồng Phong, phường 3 thành phố Sóc Trăng	P3	XD khối 8 phòng học	2021-2025	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 07/9/2021	8.500,000	8.500,000	8.500,000			8.500,000	-	-	8.500,000		
3	Cải tạo, nâng cấp trường TH Mạc Đĩnh Chi, trường TH Hùng Vương và trường TH Bạch Đằng thành phố Sóc Trăng	TPST	Cải tạo 3 điểm trường	2021-2025	Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 06/9/2022	13.800,000	13.800,000	13.800,000			13.800,000			13.800,000		
4	Cải tạo trường THCS Tôn Đức Thắng thành phố Sóc Trăng	P5	Cải tạo các phòng học, các HM phụ trợ	2021-2025	Nghị quyết số 108/NQ-HĐND ngày 06/9/2022	10.300,000	10.300,000	10.300,000			10.300,000			10.300,000		
5	Xây dựng trường THCS phường 6 thành phố Sóc Trăng	P6	15 phòng	2021-2025	Nghị quyết số 125/NQ-HĐND ngày 21/10/2022	14.965,000	14.965,000	14.965,000			14.965,000		-65,000	14.900,000		
6	Xây dựng trường Tiểu học Kim Đồng, phường 5 thành phố Sóc Trăng	P5	(Hạng mục: 05 phòng học, 05 phòng bộ môn và các hạng mục phụ trợ khác)	2021-2025	Nghị quyết số 124/NQ-HĐND ngày 21/10/2022	10.000,000	10.000,000	10.000,000			10.000,000			10.000,000		



Stt	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lấy kế đã bố trí đến hết KH năm 2020	Kế hoạch giải đoạn 2021-2025 đã được giao	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch giải đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn tỉnh hỗ trợ từ nguồn XSKT	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng số	Trong đó: Vốn tỉnh hỗ trợ từ nguồn XSKT			Tăng (+)	Giảm (-)		
17	Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học phục vụ chương trình đổi mới sách giáo khoa giáo dục phổ thông giai đoạn 2022-2025 cho khối lớp 3, lớp 7, thành phố Sóc Trăng	TPST	Thiết bị dạy học khối lớp 3, lớp 7	2021-2025	Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 14/11/2023	9.580,000	9.580,000	9.580,000	Trong đó: Vốn tỉnh hỗ trợ từ nguồn XSKT	Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 09/9/2024	8.757,000	8.757,000			9.580,000	

Phụ lục V

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN TÍNH HỖ TRỢ TỪ NGUỒN CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lấy kế đã bố trí đến hết KH năm 2020 đã phê duyệt	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: cán đối NS và thu tiền sử dụng đất	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: cán đối NS và thu tiền sử dụng đất			Tăng (+)	Giảm (-)		
	Tổng cộng						14.950,000	14.950,000	14.950,000	14.950,000	14.610,000	-	-	14.610,000		
	Lĩnh vực Giao thông															
I	Cải tạo, nâng cấp đường Trần Hưng Đạo hướng đến Trà Tim thành phố Sóc Trăng	TPST	l=1505M, Lốp bê tông nhựa C12.5, dày 7cm	2021-2025	Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 18/7/2021	14.950,000	14.950,000	14.950,000	Quyết định số 1016/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	14.950,000	14.610,000	-	-	14.610,000		

Phụ lục VI

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRƯNG HẠNG VỐN TÌNH HỖ TRỢ TỪ NGUỒN THU XỬ LÝ TÀI SẢN NHÀ, ĐẤT CÔNG CHAI ĐOẠN TỪ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Năng lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế đã bố trí đến hết KH năm 2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 đã phê duyệt	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn hóa giá nhà	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn hóa giá nhà			Tăng (+)	Giảm (-)		
	Tổng cộng				64.740,000	27.206,000	27.206,000	64.740,000	27.206,000	27.206,000	-	-	27.206,000			
	Lĩnh vực Quản lý Nhà nước				64.740,000	27.206,000	27.206,000	64.740,000	27.206,000	27.206,000	-	-	27.206,000			
1	Mở rộng Trụ sở Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng thành Trụ sở Thành ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng	P2	Thành ủy và các đoàn thể chính trị (5 tầng nổi và 01 tầng bán hầm) tổng diện tích 3.349m ² , thiết bị và các hạng mục	2021-2025	21/NQ-HĐND ngày 20/5/2022	64.740,000	27.206,000	27.206,000	Quyết định số 2370/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	64.740,000	27.206,000	-	-	27.206,000		

Phụ lục VII

PHỤ LỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN TĂNG THU NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2020
 CHỈ ĐẪN ĐẦU TƯ NĂM 2021 ĐẾN NĂM 2025 THEO NGÀNH, LĨNH VỰC



Ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Tên công trình	Địa điểm	Ngã lực Thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Lũy kế đã bỏ trí đến hết KH năm 2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 đã phê duyệt	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-) kế hoạch trung hạn		Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung	Ghi chú	
					Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: tăng thu ngân sách tỉnh năm 2020	Số Quyết định, ngày, tháng ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: tăng thu ngân sách tỉnh năm 2020			Tăng (+)	Giảm (-)			
	Tổng cộng (01 dự án)					14.600,000	14.600,000	14.600,000		14.576,608	14.576,608						
I	Lĩnh vực Giao thông (01 dự án)					14.600,000	14.600,000	14.600,000		14.576,608	14.576,608						
1	Cải tạo, nâng cấp đường 30/4 (đoạn Lê Duẩn đến thị trấn Mỹ Xuyên) thành phố Sóc Trăng	TPST	1-2250m, Lớp bê tông nhựa C12.5, dày 6cm	2021-2022	Ngày quyết số 78/NQ-HĐND ngày 25/10/2021	14.600,000	14.600,000	14.600,000		Quyết định số 1394/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	14.576,608	14.576,608					14.570,000